

# Năng lực cần thiết của giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất trong giai đoạn hiện nay

Trần Huỳnh Anh Thư\*

\*Khoa QS,VT,TDĐT, Trường Cao Đẳng CSND II

Received: 08/7/2024; Accepted: 18/7/2024; Published: 25/7/2024

**Abstract:** Improving the quality of training and fostering the capacity of physical education teachers is an urgent requirement of schools today, in order to meet the requirements of educational innovation. In training, it is necessary to focus on solutions to improve the quality of teachers and the quality of enrollment, develop training programs in the direction of developing learners' capacity, and organize teaching and learning activities well. For physical education teachers, the training work needs to focus on improving the content and form of training to promote teachers' self-study and research ability.

**Keywords:** Capacity, teacher, physical education

## 1. Đặt vấn đề

Môn Giáo dục thể chất giúp người học hình thành, phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe, kỹ năng vận động, thói quen tập luyện thể dục thể thao và rèn luyện những phẩm chất, năng lực để trở thành người công dân phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển tầm vóc, thể lực người Việt Nam; đồng thời phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao. Do đó hơn bao giờ hết, chất lượng giáo dục cần phải được chú trọng. Một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục là đội ngũ giáo viên (GV), phải có một đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn và nhiệt huyết với nghề mới có thể đảm đương được trọng trách mà xã hội đã giao phó. Để bồi dưỡng và nâng cao sức khỏe, cải thiện tâm vóc cho học sinh, sinh viên, giáo viên giảng dạy môn giáo dục thể chất cần có những năng lực cần thiết.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Năng lực chuyên môn

Nâng cao năng lực, phẩm chất giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục vừa là mục tiêu, vừa là động lực và được coi là một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Do đó, cần tập trung vào công tác bồi dưỡng giáo viên: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; Năng lực giảng dạy; Năng lực phát triển chương trình; Năng lực nghiên cứu khoa học...

Đây là một trong những năng lực cơ bản và cần thiết của GV, thể hiện trình độ hiểu biết về các lĩnh vực

khoa học có liên quan đến TDĐT và những kiến thức lý luận, kinh nghiệm và kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn.

- Có lý luận chuyên môn và hiểu lý luận sâu. Đó là điều kiện tất yếu để tiến hành công tác TDĐT trường học một cách khoa học có hiệu quả.

- Có kỹ thuật chuyên môn và phương pháp dạy học, huấn luyện. GV GDTC vừa phải nắm vững kỹ - chiến thuật các môn thể thao, phải tinh thông phương pháp dạy học, huấn luyện, đồng thời phải có 1-2 môn thể thao sở trường.

- Có năng lực công tác chuyên môn như năng lực dạy học, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài, tuyên truyền, tổ chức.

- Có năng lực nghiên cứu khoa học: nghiên cứu khoa học là trách nhiệm của GV TDĐT, đồng thời là một khâu quan trọng để nâng cao trình độ khoa học TDĐT và chất lượng dạy học của nhà trường.

Để có được năng lực chuyên môn đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của xã hội và thực tiễn của TDĐT, GV GDTC không ngừng tự học tập, bồi dưỡng kiến thức, cập nhật thông tin để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Nắm vững kiến thức sâu rộng về khoa học tổng hợp, ngoài các tri thức về lý luận người GV GDTC cần có:

+ Tri thức về khoa học giáo dục: Biết dựa vào các đặc điểm về tâm sinh lý, lứa tuổi và giới tính của HS. Phải nắm vững các kiến thức cơ bản về giáo dục học, tâm lý học và các môn khoa học hữu quan để tiến hành công tác giảng dạy.

+ Tri thức về khoa học tự nhiên: Cần nắm vững các kiến thức cơ bản về toán học, vật lý học, sinh lý

học, vệ sinh học... Đó là cơ sở để nâng cao lý luận nghiệp vụ và cũng là những kiến thức thường được vận dụng trong quá trình giảng dạy và huấn luyện.

Ngoài ra người GV GDTC phải có năng lực hoạt động xã hội và phải trở thành nhà hoạt động xã hội, cần phải có sức sáng tạo, năng lực tuyên truyền và năng lực thích ứng với hoàn cảnh, tiến hành công tác TDTT trường học một cách sáng tạo, phong phú đa dạng mới có thể làm cho TDTT trường học trở nên nổi bật và lập nhiều thành tích. Có năng lực này sẽ làm cho công tác TDTT trường học ngày càng được xã hội quý trọng và ủng hộ.

- Ngoài những năng lực chuyên môn, người GV GDTC phải có dáng vóc khỏe đẹp là sức mạnh vô hình có sức cuốn hút và cảm hóa HS tích cực tham gia tập luyện thể dục.

## 2.2. Năng lực hiểu người học

GDTC là môn học chủ yếu trên sân tập, mang tính vận động nhiều hơn nhằm thực hiện yêu cầu của môn học là đẩy mạnh quá trình phát triển toàn diện, cân đối của cơ thể, rèn luyện và nâng cao sức khỏe; song song đó là bồi dưỡng đức tính tốt: ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khỏe mạnh... nên việc trình bày có kết hợp làm mẫu, thị phạm của người dạy hoặc thông qua phim ảnh đặc biệt là phim về những cuộc thi đấu của vận động viên thể giới. Điều này giúp các em hứng thú hơn trong môn học, say mê tự tìm hiểu, học tập và tập luyện thể dục thể thao thường xuyên hơn.

Trong giảng dạy GDTC, việc nắm bắt được đặc điểm tâm sinh lý của người học là việc làm hết sức quan trọng góp phần vào việc phát huy tối đa tác động của GDTC đến cơ thể các em. Ngoài ra, còn phải vận dụng linh hoạt nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm làm cho tiết dạy phong phú hơn, bớt nhàm chán, kích thích đến tinh thần học tập của các em. Người dạy bằng nhiều phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, thăm dò... để tìm hiểu và nhận biết được nhu cầu hứng thú, trạng thái tâm lý của người tập nhằm điều khiển những tác động biến đổi xảy ra trong quá trình giảng dạy. Năng lực hiểu biết người học được thể hiện ở những điểm sau:

- Kết hợp với các phương pháp kiểm tra đánh giá để nhận biết về khả năng của người học (kỹ năng, kỹ xảo, thể lực...), để từ đó xác định yêu cầu, mục tiêu cụ thể cho quá trình giảng dạy và huấn luyện sắp tới.

- Xác định (nhận biết) được mức độ tiếp thu kiến thức kỹ năng của người tập sau từng buổi tập.

- Dự đoán khó khăn, thuận lợi của người tập khi tiếp thu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Từ đó người GV xác định mục tiêu, yêu cầu cụ thể cho quá trình giảng dạy và huấn luyện tiếp theo.

## 2.3. Năng lực dự đoán

Là năng lực biết dựa vào mục đích, yêu cầu đào tạo để hình dung trước những phẩm chất nhân cách cần hình thành ở từng HS và lập kế hoạch hoạt động của bản thân để đạt được mục đích.

Nhờ năng lực này người GV GDTC có thể dự đoán trước được kết quả hoạt động của mình, dự báo được hành vi, thái độ của người học trong các tình huống sự phạm có thể xảy ra. Cũng nhờ năng lực này người GV nhanh chóng phân tích các tình huống sự phạm và lựa chọn các giải pháp phù hợp và tin cậy để tác động đến cá nhân hoặc tập thể người học.

## 2.4. Năng lực tổ chức, thiết kế nội dung giảng dạy và huấn luyện

+ Năng lực tổ chức: Người GV vừa là người tổ chức lao động cho cá nhân và tập thể HS trong những điều kiện khác nhau, vừa là hạt nhân để gắn HS thành một tập thể, vừa là người tuyên truyền và liên kết, phối hợp các lực lượng giáo dục. Vì thế năng lực tổ chức hoạt động sự phạm là yếu tố cần có trong năng lực của người GV.

Với tư cách là chủ thể của quá trình giảng dạy, huấn luyện và giáo dục, người GV phải vừa áp dụng các biện pháp điều khiển một cách sáng tạo linh hoạt trong từng buổi học vừa phải có trách nhiệm tổ chức các hoạt động khác như sinh hoạt, nghỉ ngơi và đồng thời phải thiết lập các mối quan hệ trong tập thể người tập. Điều đó đòi hỏi người GV phải có năng lực tổ chức. Năng lực tổ chức phụ thuộc vào các yếu tố:

- Kỹ năng đánh giá tình huống, vạch kế hoạch.

- Kỹ năng sử dụng đúng đắn các hình thức và phương pháp giảng dạy, huấn luyện, giáo dục khác nhau, trong đó bao gồm các kỹ năng xác định mức độ và giới hạn của từng phương pháp và hình thức.

- Các phẩm chất tâm lý như: tính quyết đoán, tự chủ, tinh thần trách nhiệm.

+ Năng lực thiết kế: Đó là năng lực gia công về mặt sự phạm đối với nội dung giảng dạy, huấn luyện làm cho nó phù hợp tối đa với đặc điểm trình độ (kỹ năng, thể lực, nhận thức) đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi của người tập và logic sự phạm. Cùng một yêu cầu, mục đích, người GV có thể thiết kế, chế biến nội dung học tập khác nhau và cho những kết quả khác nhau. Năng lực đó được hình thành trên những cơ sở sau:

- Khả năng xác lập được mối quan hệ giữa yêu cầu của nội dung chương trình với trình độ (nhận thức, kỹ thuật, thể lực...) của người tập.

- Khả năng sáng tạo. Sự sáng tạo thể hiện trước hết ở khả năng biết tìm ra, xác định những nội dung

cơ bản, trọng tâm mà tiếp thu tốt chúng sẽ hỗ trợ cho những nội dung khác: tìm ra những bài tập dẫn dắt phù hợp, nhờ chúng người tập có khả năng tiếp thu được những bài tập khó một cách dễ dàng, biết chọn những nội dung lõi cuốn được sự hứng thú của người tập.

### 2.5. Năng lực truyền đạt

Là khả năng nắm vững cách thức tổ chức và điều khiển hoạt động nhận thức của HS qua nội dung bài học. Năng lực này thể hiện ở người GV:

- Thực hiện tốt các kỹ thuật các phương pháp dạy học.

- Biết cung cấp cho HS những kiến thức chính xác, dễ hiểu và làm cho nó trở nên vừa sức với HS.

- Gây hứng thú và kích thích HS suy nghĩ tích cực và độc lập.

- Tạo ra tâm thế có lợi cho sự lĩnh hội học tập.

Đó là khả năng của người GV làm cho người tập dễ dàng tiếp thu và nắm bắt được những điều GV muốn trình bày cũng như tình cảm của mình thông qua các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

### 2.6. Năng lực giao tiếp

Là khả năng tổ chức thực hiện giao tiếp và đạt kết quả giao tiếp trong công tác dạy học và giáo dục. Hiệu quả của quá trình này phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của người GV. Năng lực giao tiếp thường biểu hiện ở những khả năng sau:

#### 2.6.1. Kỹ năng định hướng trong giao tiếp

Kỹ năng này được biểu hiện ở khả năng vào sự biểu lộ bên ngoài nào đó như sắc thái biểu cảm, ngữ điệu, thanh điệu của ngôn ngữ, cử chỉ, động tác, thời điểm và không gian giao tiếp mà phán đoán chính xác về nhân cách cũng như tính chất của mọi quan hệ giữa chủ thể (GV) và đối tượng giao tiếp (người học).

- Qua những biểu hiện bên ngoài như: nét mặt, cử chỉ, ngữ điệu, âm điệu của lời nói mà chủ thể giao tiếp (GV) phát hiện chính xác và đầy đủ thái độ của đối tượng.

- Qua ngôn ngữ ta có thể biết được tính cách, tình cảm, trí tuệ, ý chí của đối tượng giao tiếp.

- Phác thảo chân dung nhân cách, tâm lý của đối tượng là cơ sở để người GV có các phương án ứng xử khác nhau, dự đoán, lường trước những phản ứng có thể có của đối tượng giao tiếp để có cách ứng xử cho phù hợp nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp cao.

Định hướng trong giao tiếp là sự thành lập các thao tác trí tuệ, tư duy liên tưởng vốn sống kinh nghiệm cá nhân một cách cơ động, linh hoạt mềm dẻo... ở chủ thể giao tiếp (GV) và có ý nghĩa rất

quan trọng, nó quyết định thái độ, hành vi GV khi tiếp xúc với HS.

#### 2.6.2. Kỹ năng định vị trong giao tiếp

- Kỹ năng định vị là khả năng biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng và biết tạo ra điều kiện để đối tượng chủ động, thoải mái trong giao tiếp với mình.

Biết xác định đúng không gian và thời gian giao tiếp, không gian giao tiếp là khoảng cách hợp lý giữa các đối tượng trong giao tiếp, khoảng cách đó được xác định bởi mục đích, nội dung và mức độ thân tình giữa chủ thể và đối tượng giao tiếp. Biết chọn thời điểm bắt đầu, tiếp tục và kết thúc giao tiếp cũng là vấn đề có ý nghĩa trong giao tiếp.

#### 2.6.3. Kỹ năng điều khiển trong quá trình giao tiếp

Là khả năng lôi cuốn, thu hút đối tượng giao tiếp, biết duy trì sự hứng thú, sự tập trung chú ý của đối tượng. Trên cơ sở xác định được nguyện vọng, hứng thú của đối tượng giao tiếp gồm:

- Kỹ năng làm chủ trạng thái của bản thân, biết điều khiển và điều chỉnh các diễn biến tâm lý của mình cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Phương tiện giao tiếp bao gồm ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

### 2.7. Năng lực cảm hóa người học

Là khả năng làm cho người học nghe, tin và làm theo mình bằng tình cảm, bằng niềm tin. Để có năng lực này đòi hỏi người GV luôn phấn đấu và tu dưỡng để có một nếp sống văn hóa cao, một phong cách mẫu mực. Điều đó đồng nghĩa với việc người GV đã tạo được ở HS lòng kính trọng và tình cảm quý mến.

### 3. Kết luận

Nâng cao chất lượng giáo dục cần nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt, có tính hệ thống. Một trong những biện pháp quan trọng là nâng cao đội ngũ GV. Đặc điểm loại hình lao động của người GV có nhiều nét đặc thù. Nó góp phần hình thành phẩm chất, năng lực cần thiết cho con người, có quan hệ chặt chẽ đến việc xây dựng lực lượng lao động.

#### Tài liệu tham khảo

1. Hào, N.K; Uẩn, N.Q (2003). *Giáo trình tâm lý học lứa tuổi*. Tâm lý học sư phạm NXB Đại học sư phạm.

2. Hồng, L.V; Lan, L.N (1998). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội .

3. Viễn, P. N. (2006). *Giáo trình “Tâm lý học TDTT”*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao Hà Nội.

4. Tiến, N.T (2015), *Giáo trình lý luận và phương pháp giảng dạy đại học TDTT*, Nxb ĐHQG TPHCM.